

Bản án số: 01/2018/HC-PT

Ngày 28 - 02 - 2018

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biểu và ông Trần Đình Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Vụ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 03/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2017/QĐPT-HC ngày 25 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐ-PT ngày 12/01/2018; số 02/2018/QĐ-PT ngày 31/01/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Thanh T, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T : Ông Nguyễn Châu H, sinh năm 1956.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Xuân T - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH V - Đoàn luật sư Hà Nội (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức A - Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn S - Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện - vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. “Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 11 năm 2017”.

Địa chỉ trụ sở: Thôn P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1969 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B (có mặt)

Địa chỉ trụ sở: Xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2015, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện cung cấp như sau:

Nguồn gốc thửa đất mà hộ ông Hoàng Thanh T đang sử dụng là của hai anh em cụ L, cụ N. Ngõ đi của thửa đất này là bờ ao hướng ra phía Bắc của thửa đất. Năm 1956 hai cụ bị quy địa chủ, đất, ao bị tịch thu. Thửa đất của cụ N chia cho 03 hộ là hộ cụ Lê Văn C, Hoàng Văn D và Hoàng Văn E. Phần diện tích đất của cụ L làm sân kho hợp tác xã. Năm 1960 bố ông T là cụ Hoàng Văn G mua lại thửa đất của cụ C, cụ D, cụ E. Khi mua gồm nhà, đất, sân, vườn và ao, riêng diện tích đất ao vẫn chung với ao của Hợp tác xã. Năm 1990, cụ G già yếu, ông T cho con trai là Hoàng Hải X lên sống cùng. Đến năm 1992 anh X tiến hành xây tường bao từ ngõ về đến đầu hồi nhà phía Tây và lấp diện tích đất ao của gia đình để trồng nhãn, khi anh X xây tường, lấp ao thì chính quyền cơ sở thôn, xã không có ý kiến gì. Từ khi cụ G mua đất và sử dụng thì không có tranh chấp, hàng năm đều đóng thuế trên diện tích đất này. Hiện nay thửa đất trên được chia thành 03 hộ gồm hộ ông T diện tích 184,5 m², hộ anh Hoàng Hải X diện tích 267,3 m² ngõ đi của hai hộ này là ngõ cũ phía Tây thửa đất, hộ anh Hoàng Văn Y diện tích là 293,2 m² ngõ đi của hộ anh Y là về phía Nam thửa đất. Năm 2010 các cơ quan Tài nguyên môi trường của tỉnh, huyện về đo đạc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất và ngõ đi của các hộ trong gia đình ông vẫn đúng, gia đình ông đã ký vào các văn bản theo hướng dẫn của cán bộ đo đạc và địa chính. Năm 2012 kiểm tra đo lại thì diện tích đất, ngõ đi vẫn đúng như vậy. Đến năm 2013 Ủy ban nhân dân xã tiến hành đo đất sân kho hợp tác xã để giao cho thôn quản lý đồng thời có đo lại cả diện tích đất của các hộ trong gia đình nhà ông, sau khi đo xong gia đình ông có ký vào biên bản và yêu cầu đưa cho 01 bản nhưng Ủy ban xã không giao cho gia đình ông. Đến ngày 01/8/2014 Ủy ban nhân dân xã có giấy mời ông đúng 8 giờ 15 phút ngày 05/8/2014 có mặt để nhận mốc giới giữa gia đình ông với đất tập thể sân kho đội 10, thôn N. Đúng thời gian trên đoàn của Ủy ban nhân dân xã xuống yêu cầu gia đình ông ký vào biên bản nhận mốc giới. Do trong biên bản thể hiện phần đất của tập thể có cả phần đất, tường mà gia đình ông xây dựng năm 1992 nên gia đình ông không ký. Ngay sau đó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã yêu cầu mọi người phá dỡ tường của gia đình ông, xây tường mới làm mất ngõ đi của gia đình ông. Ông có làm đơn gửi đi các cấp có thẩm quyền giải quyết. Ủy ban nhân dân huyện K tiến hành lập đoàn thanh tra sau đó đến ngày 11/3/2015 chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên có kết luận số 62/KL-CT UBND về việc sử dụng đất của hộ gia đình ông. Ông T không đồng ý với kết luận số 62 ngày 11/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên nên đã khởi kiện đề nghị Tòa án hủy kết luận số 62/KL-CTUB của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/11/2016 ông Hoàng Thanh T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi phá dỡ tường nhà ông làm gia đình ông bị thiệt hại tổng cộng là 14.212.850 đồng.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K có quan điểm như sau:

Diện tích đất của hộ ông Hoàng Thanh T được xác định theo Hồ sơ địa chính và bản đồ 299 thuộc thửa 93, diện tích 516 m² (trong đó đất ao: 72 m²). Còn theo bản đồ VLAP là 745 m² tăng thêm 229m² là do khi lập hồ sơ dự án VLAP, gia đình ông T kê khai cả diện tích đất thuộc sân kho cũ. Ủy ban nhân dân xã, thôn xác định do gia đình ông T đã lấn ra trong quá trình sử dụng đất. Hành vi lấn đất của hộ ông T do không xác định được chính xác thời điểm vi phạm, vì vậy không xử phạt vi phạm hành chính mà chỉ buộc khôi phục lại tình trạng của đất như trước khi vi phạm.

Theo bản đồ 299 thửa đất do Ủy ban nhân dân xã B quản lý (đất sân kho cũ), trong bản đồ ghi diện tích thửa 94 là 502m² và thửa 120 là 435m² nhưng bị sửa chữa thành 360m² đối với thửa 94 và 324m² đối với thửa 120. Việc sửa chữa này được tiến hành vì sổ mục kê hồ sơ 299 kê khai diện tích thửa đất số 94 là 360m² và thửa 110 (thửa 120 trên bản đồ) là 324m², bản đồ in sai diện tích và số thửa nên cán bộ địa chính đã sửa chữa theo số liệu của sổ mục kê. Việc chênh lệch diện tích có thể xác định qua dùng thước tỷ lệ đo trên bản đồ và diện tích sau khi tính phù hợp với kết quả thể hiện trong Sổ mục kê nên việc điều chỉnh là hoàn toàn có căn cứ. Sổ mục kê là một kênh chính thống để kê khai diện tích, chủ sử dụng, việc điều chỉnh bản đồ theo số liệu của sổ mục kê là việc bình thường trong quá trình quản lý khi có biến động (chia, tách thửa) hoặc ở trường hợp này là do sai sót trong quá trình in bản đồ.

Việc đo đạc của đoàn VLAP, nguyên tắc trong quá trình đo đạc là đo hình thể thửa đất theo hiện trạng mà các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất. Kết quả đo đạc này không phải là căn cứ để khẳng định quyền sử dụng đất mà chỉ xác định hiện trạng sử dụng đất của các hộ, trên cơ sở đó trình hội đồng xét duyệt cấp GCNQSDĐ nếu không có tranh chấp, không có lấn chiếm và phù hợp quy hoạch thì mới công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ.

Lời khai của anh Hoàng Hải X cho rằng gia đình anh có ngõ đi qua sân kho từ xưa, sử dụng nhiều năm không ai có ý kiến gì, gia đình đã xây tường bao từ trước năm 1992 và cho rằng ngõ đi trên thuộc về gia đình anh là không có cơ sở, bởi: Khi đoàn thanh tra làm việc với anh X, anh thừa nhận gia đình xây tường bao ngõ đi khi ông Á làm trưởng thôn, ông U làm phó thôn. Nhưng ông Á khẳng định ông làm trưởng thôn từ năm 1993; khoảng năm 1997 ông và phó thôn là ông U phát hiện gia đình anh X xây tường bao ngõ đi, các ông đã đến gia đình để ý kiến thì anh X trả lời anh làm tạm để đi cho tiện khi nào tập thể lấy đất để sử dụng anh sẽ trả lại, hơn nữa các nhân chứng cũng khẳng định không tồn tại ngõ đi này, bản đồ 299 cũng không thể hiện có sự tồn tại của ngõ đi trên, còn theo bản đồ dự án VLAP có thể hiện ngõ đi qua sân kho cũ là do thời điểm đo đạc đã đo theo hiện trạng các hộ gia đình tự chỉ mốc giới.

Quá trình thanh tra tiến hành thanh tra xác định việc sử dụng đất của ông T là không ổn định. Vì vậy không thể công nhận toàn bộ diện tích cho hộ ông T theo bức tường cũ hộ ông T xây. Theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013, Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì những trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai phải được Ủy ban nhân dân xã xác nhận sử dụng ổn định, không có tranh chấp và tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch của địa phương. Do vậy trường hợp này không thể công nhận toàn bộ diện tích đất theo bức tường cũ như quan điểm của ông T đưa ra. Việc ông T cho rằng diện tích đất của gia đình phải được giải quyết theo bản đồ VLAP là không phù hợp với quy định hiện hành.

Đối với việc gia đình ông T có ý kiến hiện nay không có ngõ đi, Ủy ban nhân dân huyện có quan điểm: Đất của hộ ông T đang sử dụng nguyên là một thửa đất có hai mặt ngõ, không phải là thửa đất không có lối đi nên không xem xét việc phải mở lối đi mới cho hộ ông T khi ông đã tách thửa. Theo quy định, trong quá trình sử dụng, nếu chủ sử dụng đất có nhu cầu tách thửa, phải đảm bảo diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định và tự bố trí lối đi cho thửa đất ở phía trong khi làm thủ tục.

Quan điểm của người bị kiện là giữ nguyên kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2017/HC-ST ngày 04/10/2017, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 28, 29, 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 2 Điều 35 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Các Điều 101, Điều 208 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Thanh T về “*Khiếu kiện hủy kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện K trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Không giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Hoàng Thanh T trong vụ án này mà tách ra xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, ông Hoàng Thanh T có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.

Người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền lợi của ông T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

- Bỏ sót yêu cầu khởi kiện đó là hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc hủy hoại tài sản của gia đình ông T. Xác định tư cách đương sự sai: Lẽ ra phải đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B tham gia tố tụng với tư cách Người bị kiện mới đúng.

- Không triệu tập những người làm chứng theo yêu cầu của người khởi kiện.
- Nghị án có sự tham gia của Chánh án và Kiểm sát viên.
- Cấp sơ thẩm tước quyền bảo vệ quyền lợi cho đương sự của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm thì Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Ông Hoàng Thanh T có đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định của Luật tố tụng hành chính là hợp lệ, được xem xét.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của ông T cũng như đề nghị của người được ủy quyền, người bảo vệ quyền lợi cho ông T là không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính, bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của người khởi kiện, người bị kiện, người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Hoàng Thanh T kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định là hợp pháp, được chấp nhận.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện: Ngày 01/4/2015, ông Hoàng Thanh T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên. Đối tượng khởi kiện của người khởi kiện là Kết luận giải quyết khiếu kiện trong quản lý đất đai của Chủ tịch UBND huyện K. Căn cứ khoản 1 Điều 29; khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính 2010; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân huyện K đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, yêu cầu khởi kiện của ông T vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Thanh T: Đề nghị hủy kết luận 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện K vì cho rằng không có căn cứ và trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1]. Nội dung kết luận 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện K:

Thực hiện nghị quyết của Đảng ủy xã B, ngày 18/7/2014, Ủy ban nhân dân xã B đề nghị thành lập đoàn kiểm tra xác minh đất sân kho đội 10 thôn N và các hộ liền kề. Ngày 10/8/2014, Ủy ban nhân dân xã tiến hành họp kiểm tra, xác minh thực địa thửa đất sân kho và các thửa liền kề. Sau khi xem xét, đo đạc xác định hộ gia đình ông Hoàng Thanh T đã xây bức tường rào trên phần đất sân kho. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã đã yêu cầu gia đình ông T phá dỡ bức tường rào để trả lại đất sân kho cho Ủy ban nhân dân xã. Tuy nhiên gia đình ông T không tự nguyện tháo dỡ bức tường, không ký vào biên bản nhận mốc giới vì ông cho rằng trong biên bản có thể hiện phần đất của tập thể có cả phần đất và tường mà gia đình ông xây dựng năm 1992. Sau đó Ủy ban nhân dân xã B tiến hành phá dỡ bức tường của gia đình ông T và xây tường mới. Ông T không đồng ý và có đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã B đã xem xét giải quyết đơn của ông T và ra thông báo số 46/TB-UBND ngày 15/9/2014 xác định mốc giới giữa đất hộ ông Hoàng Văn G (bố ông T) đang sử dụng thửa số 93, tờ bản đồ số 04 (bản đồ 299) với đất công (đất khu sân kho đội 10) theo các tài liệu 299 là phù hợp với pháp luật. Gia đình ông T không đồng ý, tiếp tục có đơn kiến nghị.

Qua kiểm tra xác minh, thu thập hồ sơ, tài liệu liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K đã có Kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 với nội dung:

Yêu cầu giữ nguyên theo hiện trạng diện tích của hộ ông Hoàng Thanh T: 592,18m² sau khi thôn N xây tường bao mới.

Quá trình xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này, Ủy ban nhân dân xã B, Hội đồng xét duyệt cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần xác định phần diện tích lấn chiếm để thu tiền đất dôi dư trước khi cấp.

Đối với việc gia đình ông T có ý kiến hiện nay không có ngõ đi phải trèo qua tường bao do thôn N xây: Đất của hộ ông T đang sử dụng là một thửa đất nguyên bản có hai mặt ngõ theo hồ sơ 299, không phải là thửa đất không có lối đi nên không xem xét việc phải mở lối đi mới. Trong quá trình sử dụng, nếu chủ sử dụng đất có nhu cầu tách thửa, phân chia cho con cháu phải tự sắp xếp, bố trí lối đi cho thửa đất phía trong khi làm thủ tục tách thửa. Diện tích ngõ đi được lấy từ trong tổng diện tích thửa đất của gia đình ông T.

[3.2]. Căn cứ ban hành Kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện K:

Tại hồ sơ địa chính theo Chỉ thị 299/TTg, sổ mục kê 299: Thửa đất của hộ ông Hoàng Thanh T đang sử dụng có nguồn gốc của ông Hoàng Văn G (bố đẻ ông T) tại thửa số 93, tờ bản đồ số 04, diện tích 516m². Tại sổ mục kê 299 thì đất Ủy ban nhân dân xã quản lý là 684m².

Theo hồ sơ địa chính của dự án VLAP thì thửa đất của gia đình ông T có diện tích 745m²; thửa đất do xã quản lý diện tích 508,3m² (chưa tính diện tích ngõ đi giữa hai thửa).

So sánh biến động diện tích từ hồ sơ 299 đến khi thực hiện dự án VLAP, đất hộ gia đình ông T tăng với tổng diện tích là 229m². Ủy ban nhân dân xã, huyện đã xác định đây là diện tích đất mà trong quá trình sử dụng, do giáp ranh với sân kho của thôn N, hộ ông T đã lấn chiếm, sử dụng ra phần đất của sân kho. Hành vi lấn đất của hộ ông T do không xác định được chính xác thời điểm vi phạm, vì vậy không có căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính mà chỉ buộc khôi phục lại tình trạng của thửa đất như trước khi vi phạm.

Xác minh đối với ông Nguyễn Tiến Â, ông Hoàng Văn L1, ông Nguyễn Quang A đều thể hiện có việc nhắc nhở hộ ông T khi xây tường, anh X trả lời là làm tạm để đi cho tiện, khi nào tập thể lấy đất để sử dụng anh sẽ trả lại. Xác định bức tường gia đình ông T xây nằm hoàn toàn trên phần đất sân kho.

Qua những lời khai, cũng như hồ sơ sổ sách quản lý tại địa phương nêu trên, anh X cho rằng ngõ đi qua sân kho gia đình xây từ trước năm 1992, sử dụng nhiều năm không ai có ý kiến gì và thuộc về gia đình anh là không có cơ sở. Ông T cho rằng tại kết luận 62 khẳng định gia đình ông lấn chiếm đất công là không đúng. Theo bản đồ 299 diện tích đất của gia đình ông là 516m², theo bản đồ VLAP thì diện tích của gia đình ông là 745m². Ông khẳng định diện tích đất theo VLAP là chính xác, vì so với diện tích đất khi bố ông mua với diện tích đất thực tế hiện tại gia đình đang sử dụng không có gì thay đổi, do trước đây hàng rào bằng tre, chuối và việc đo đạc thủ công nên số liệu không chính xác là không có cơ sở bởi vì: Hộ gia đình ông T không cung cấp được tài liệu chứng minh diện tích đất cụ thể của gia đình khi mua là bao nhiêu. Ủy ban nhân dân huyện đã căn cứ vào số liệu tại bản đồ 299 để giải quyết là phù hợp. Tại bản đồ 299 đất của hộ ông T phía tây giáp hai thửa 94, 110, giữa hai thửa này không có ngõ đi. Khi đo VLAP đã thể hiện có ngõ đi giữa hai thửa đất giáp phía tây hộ ông T. Hai thửa đất giáp với phía tây hộ ông T diện tích đo VLAP giảm đi so với bản đồ 299. Việc thể hiện ngõ đi là do khi đo đạc xác định theo hiện trạng các hộ chỉ mốc giới, kết quả này chưa được công nhận làm căn cứ để xác lập quyền sử dụng đất là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 về việc sử dụng đất của hộ ông Hoàng Thanh T là đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định tại các Điều 101, 208 Luật Đất đai 2013; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 03/3/2017 của Chính phủ sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai. Khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nội dung kết luận 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K không xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thu hồi ngõ đi mà chỉ yêu cầu giữ nguyên hiện trạng diện tích đất. Nếu gia đình ông cho rằng không lấn chiếm sang đất của tập thể, cụ thể là ngõ đi thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nếu có căn cứ.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Thanh T

Đối với quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi và người đại diện cho ông T trình bày về một số vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với việc triệu tập những người làm chứng theo yêu cầu của người khởi kiện đã được cấp sơ thẩm triệu tập nhưng những người này không nhận giấy triệu tập. Đại diện ủy ban nhân dân xã đã có văn bản gửi Tòa án về vấn đề này. Tại cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng những người làm chứng này đều không có mặt.

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2015, ông T khởi kiện đề nghị hủy kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện là người bị kiện là đúng với quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Ngày 16/11/2016 ông Hoàng Thanh T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ tường. Xét thấy hành vi tháo dỡ là của cơ quan Hành chính khác xảy ra trước ngày ban hành Kết luận số 62/KL-CTUBND. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm ông T cũng nhất trí sẽ khởi kiện nội dung này bằng vụ kiện khác. Vì vậy cấp sơ thẩm đã tách ra để xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật tố tụng hành chính.

- Tại biên bản phiên tòa thể hiện Luật sư không chấp hành theo điều khiển của Chủ tọa phiên tòa cũng như nội quy phiên tòa, khi bị nhắc nhở đã tự rời khỏi phòng xử án. Vì vậy không có căn cứ xác định cấp sơ thẩm tước quyền bảo vệ cho đương sự của Luật sư tại phiên tòa sơ thẩm.

- Đối với bức ảnh mà con trai ông T nộp và cho rằng khi cấp sơ thẩm nghị án có sự tham gia của Chánh án và Kiểm sát viên là không có cơ sở.

- Ông T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng người đại diện cho ông T cũng như Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T đề nghị hủy bản án sơ thẩm là vượt quá yêu cầu kháng cáo của ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm của người đại diện cũng như Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T tại phiên tòa.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Hoàng Thanh T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hành chính.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241; Điều 242 của Luật tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Hoàng Thanh T và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện K tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng: Điều 28, 29, 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 2 Điều 35; Khoản 1 Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 101, Điều 208 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 03/3/2017 của Chính phủ sửa đổi nghị định hướng dẫn Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Hoàng Thanh T về “*Khiếu kiện huỷ kết luận số 62/KL-CTUBND ngày 11/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện K trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Thanh T phải chịu 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002075 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hưng Yên (ông T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Kim Anh